

PHÂN TÍCH TÍNH HẤP DẪN TRONG GIÁO TRÌNH TIẾNG TRUNG SƠ CẤP- LẤY “GIÁO TRÌNH CHUẨN HSK1” LÀM VÍ DỤ

*Đinh Thu Hoài**

Email: dinhhoai.vcr@gmail.com

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 04/11/2022

Ngày nhận kết quả phản biện đánh giá: 04/05/2023

Ngày bài báo được duyệt đăng: 26/05/2023

DOI: 10.59266/houjs.2023.250

Tóm tắt: Tính hấp dẫn được coi là một trong những yếu tố quan trọng trong biên soạn giáo trình tiếng Trung nhằm kích thích sự hứng thú của người học, tạo ra hiệu quả học tập cao, đặc biệt là người học giai đoạn đầu. Tính hấp dẫn chỉ nội dung và hình thức đều sinh động, thú vị, có sức hấp dẫn với người sử dụng. Bài viết lựa chọn “Giáo trình HSK chuẩn 1”- giáo trình dành cho trình độ sơ cấp, được sử dụng phổ biến tại Việt Nam và các nước khác làm đối tượng nghiên cứu để phân tích những yếu tố hấp dẫn của giáo trình, đồng thời so sánh với một số giáo trình để nổi bật ưu điểm của giáo trình chuẩn HSK1. Việc phân tích giáo trình từ nhiều góc độ sẽ là nguồn tham khảo hữu ích cho việc biên soạn giáo trình tiếng Trung tổng hợp trong tương lai.

Từ khóa: giáo trình chuẩn HSK1, tính hấp dẫn, giáo trình tiếng Hán

I. Đặt vấn đề

Trong các nguyên tắc biên soạn giáo trình tiếng Trung, Zhao Xianzhou (1988), Lü Bisong (1993), Liu Xun (1997), Li Quan (2012) đều đề cập đến tính hấp dẫn. Đây được coi là yếu tố quan trọng không thể thiếu trong việc tạo sự hứng thú cho người học và có liên hệ chặt chẽ với các yếu tố khác.

Hiện tại, phần lớn các nghiên cứu về giáo trình tiếng Trung tập trung vào việc phân tích giáo trình với nhiều yếu tố khác nhau hoặc so sánh giữa các giáo trình

cùng trình độ với nhau. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều không gian để thực hiện các nghiên cứu chuyên sâu về tính hấp dẫn của giáo trình tiếng Trung giai đoạn sơ cấp.

Bài viết dựa trên hai tiêu chí: tính điển hình và tính thời đại, để lựa chọn giáo trình HSK1 làm đối tượng nghiên cứu. Giáo trình HSK1 là quyển đầu tiên trong bộ giáo trình HSK chuẩn, được phát triển bởi Học viện Khổng Tử và Nhà xuất bản Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh. Giáo trình này đã được sử dụng rộng rãi không chỉ tại nhiều trường trung học phổ thông, các

* Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội

trường đại học, trung tâm ngoại ngữ, và Học viện Khổng Tử ở Việt Nam, mà còn ở nhiều quốc gia trên toàn thế giới. Đây là một giáo trình mới, được cập nhật với nhiều nội dung phù hợp với thời đại hiện tại. Việc phân tích tính hấp dẫn của giáo trình HSK1 cung cấp một nguồn tham khảo cho quá trình biên soạn các giáo trình tiếng Trung khác, cũng như cho các nghiên cứu liên quan trong lĩnh vực này.

II. Cơ sở lý thuyết

2.1. Nguyên tắc biên soạn giáo trình tiếng Trung

Biên soạn giáo trình tiếng Trung cần tuân theo các quy tắc khác nhau. Zhao Xianzhou (1988) đã chỉ ra 4 nguyên tắc gồm: tính phù hợp, tính thực dụng, tính hấp dẫn và tính khoa học. Lü Bisong (1993) đã đề xuất 6 nguyên tắc bao gồm: tính thực dụng, tính giao tiếp, tính tri thức, tính hấp dẫn, tính khoa học và tính phù hợp. Liu Xun (1997) chỉ ra 5 nguyên tắc quan trọng bao gồm: tính phù hợp, tính thực dụng, tính khoa học, tính hệ thống và tính hấp dẫn. Từ các nguyên tắc được đề cập bởi các nhà nghiên cứu như Zhao Xianzhou, Lü Bisong và Liu Xun, chúng ta có thể thấy việc biên soạn giáo trình tiếng Trung đòi hỏi sự tuân thủ theo các nguyên tắc, trong đó đều có một nguyên tắc chung là tính hấp dẫn.

2.2. Khái niệm về tính hấp dẫn của giáo trình

Liu Songhao (2005) cho rằng tính hấp dẫn trong giáo trình bao gồm hai yếu tố chính là từ sản phẩm và từ quá trình. Yếu tố hấp dẫn trong sản phẩm chỉ giáo trình, bao gồm nội dung và hình thức, liên quan tới các yếu tố thẩm mỹ như bìa sách và màu sắc của giấy. Trong khi đó, sự hấp dẫn từ quá trình thể hiện thông qua việc tương tác

giữa giáo viên và học viên trong quá trình sử dụng giáo trình. Theo Li Quan (2012), sự hấp dẫn của giáo trình được tạo nên từ hai khía cạnh quan trọng là nội dung và hình thức. Nội dung được thể hiện thông qua các chủ đề bài học, từ vựng mới, ngữ pháp và tài liệu bổ sung, trong khi hình thức được thể hiện qua các yếu tố như thiết kế bìa sách, kiểu chữ và kích thước, hình ảnh, chất lượng in ấn và chất lượng giấy.

Tuy nhiên, bài viết chỉ tập trung nghiên cứu tính hấp dẫn trong phạm vi nội dung và hình thức của giáo trình, không đề cập đến tính hấp dẫn trong quá trình sử dụng thực tế trong lớp học.

III. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết chủ yếu sử dụng phương pháp phân tích thống kê định lượng và định tính để đánh giá sự hấp dẫn từ nội dung và hình thức của giáo trình. Phương pháp này bao gồm việc thống kê và phân tích số lượng từ vựng, bài tập, điểm văn hóa và chủ đề trong giáo trình. Nhờ đó, bài viết sẽ cung cấp một đánh giá rõ ràng về tính hấp dẫn của giáo trình.

Ngoài ra, bài viết cũng sử dụng phương pháp so sánh giữa giáo trình chuẩn HSK và một số giáo trình tiếng Hán khác như giáo trình Hán Ngữ và Boya. Phương pháp này giúp làm nổi bật ưu điểm của giáo trình HSK, từ đó đánh giá sự hấp dẫn của giáo trình so với các giáo trình khác.

IV. Nội dung nghiên cứu

4.1. Phân tích tính hấp dẫn trong nội dung của giáo trình

4.1.1. Bố cục giáo trình

Giáo trình chuẩn HSK1 gồm 15 bài, mỗi bài là một chủ đề riêng. Bố cục mỗi bài chia thành 7 phần chính:

1) Warm up: Thông qua sự liên kết giữa hình ảnh và từ vựng, bước khởi động giúp người học dễ dàng tiếp cận với nội dung bài học mới.

2) Phần bài học: Gồm bài khóa và từ vựng. Phần từ vựng được chia theo từng bài, tạo thuận lợi cho người học trong việc quan sát.

3) Phần chú thích: Trình bày các hiện tượng ngữ pháp xuất hiện trong bài học, cấu trúc giải thích viết bằng tiếng Việt sử dụng từ dễ hiểu như danh từ, động từ,... Dưới mỗi cấu trúc có 3 ví dụ giúp người học hiểu rõ được ý nghĩa của cấu trúc đó trong ngữ cảnh cụ thể.

4) Phần bài tập: Ôn tập từ mới và ngữ pháp qua các bài tập như điền từ, đóng vai, thảo luận nhóm.

5) Phần ghép âm: Ôn tập phát âm, bao gồm sự kết hợp các thanh điệu, nghe và luyện đọc.

6) Phần Chữ Hán: Mô tả cách viết từng chữ Hán và phân tích ý nghĩa chi tiết của từng chữ Hán, giới thiệu người học các chữ Hán thường gặp, kết cấu chữ hán, các bộ của chữ Hán,...

7) Phần vận dụng: Thực hành giao tiếp và làm bài tập thông qua các hoạt động nhóm và hoạt động đôi, áp dụng những kiến thức đã học trong quá trình học.

Bên cạnh đó, sau mỗi năm bài học, giáo trình cung cấp thêm **phần văn hóa** với các nội dung như hỏi tuổi của người Trung Quốc (bài 5), họ tên của người Trung Quốc (bài 10), các phương tiện thường dùng của người Trung Quốc (bài 15).

Về mặt bố cục, giáo trình chuẩn HSK1 được biên soạn một cách tỉ mỉ và

chặt chẽ, mang đến nhiều nội dung đa dạng hơn so với một số giáo trình khác như Giáo trình Hán ngữ 1 và Boya 1, đặc biệt là ở những mục như: Warm up, văn hoá,... Bố cục bài học tuân theo quy tắc tăng dần từ mức độ dễ tới khó, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành. Mỗi bài học cung cấp một lượng kiến thức phù hợp, giúp học viên phát triển toàn diện bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, và viết. Đồng thời, các hình ảnh minh họa đi kèm giúp giảm áp lực và tăng sự hứng thú trong quá trình học.

4.1.2 Lựa chọn chủ đề và bài khoá

Sự ưa thích của người học đối với một giáo trình liên quan chặt chẽ đến việc chủ đề bài học đáp ứng được nhu cầu học tập của người học. Giáo trình chuẩn HSK1, với sự đa dạng của 15 bài học và 15 chủ đề, đã được thiết kế phù hợp với nhu cầu và trình độ của những người mới bắt đầu tiếp cận tiếng Trung một cách hiệu quả.

Bảng 1. Chủ đề bài học của giáo trình chuẩn HSK1

BÀI	CHỦ ĐỀ
Bài 1	Chào hỏi, xin lỗi
Bài 2	Cảm ơn, tạm biệt
Bài 3	Tên, quốc tịch
Bài 4	Giới thiệu
Bài 5	Số đếm, số thành viên gia đình, số tuổi
Bài 6	Biểu đạt biết kỹ năng nào đó
Bài 7	Biểu đạt về thời gian
Bài 8	Biểu đạt về mong muốn
Bài 9	Biểu đạt về vị trí, nơi làm việc
Bài 10	Độ vật, vị trí
Bài 11	Biểu đạt về thời gian (giờ, phút), thời gian nào làm việc gì
Bài 12	Diễn đạt về thời tiết
Bài 13	Diễn đạt đang làm một việc gì đó
Bài 14	Diễn đạt sự việc đã xảy ra, hoàn thành
Bài 15	Phương tiện, nhấn mạnh thời gian, địa điểm, cách thức

Từ bảng nội dung bài học phía trên, có thể thấy rằng các chủ đề được chọn đều mang tính thực tế. Các tình huống trong chương trình học đều là những chủ đề mà người học thường gặp và sử dụng trong cuộc sống thực.

Mỗi bài học đều bao gồm 3 bài khoá, có ngữ cảnh thân thuộc gần gũi như: ở trường, trong lớp học, ở thư viện, ở nhà, trong văn phòng, trong bếp, ngân hàng, quán cà phê, quán ăn, cửa hàng, bến xe, phòng tập thể dục, trên đường, trong phòng bệnh, ở kí túc xá,... Mỗi bài khoá ở dạng đối thoại ngắn như: chào hỏi, xin lỗi, cảm ơn, tạm biệt, làm quen với những câu hỏi về tên, tuổi, gia đình, quốc tịch, giao tiếp thường ngày với chủ đề thời gian, thời tiết, vị trí, v.v... Với những chủ đề trên, người học sẽ cảm thấy việc học tập trở nên sinh động, dễ học và dễ ghi nhớ, từ đó tạo nên động lực cho việc học.

4.1.3 Triển khai phần Từ vựng, Ngữ âm, Ngữ pháp và Chữ Hán

Về mặt từ vựng, giáo trình chuẩn HSK1 cung cấp tổng cộng 150 từ, với trung bình 10 từ mỗi bài học, phù hợp với khả năng ghi nhớ và tiếp thu của người mới học. Từ vựng của giáo trình HSK1 đều liên quan tới bài khoá, nằm trong nội dung cần học. Một số ít từ bổ sung xuất hiện ở phần bài tập như: 爷爷, 奶奶, 爸爸, 妈妈, 哥哥, 姐姐, 妹妹, 弟弟 (T50) để mở rộng lượng từ về thành viên gia đình và để bài luyện tập phong phú hơn.

Giáo trình HSK1 chú trọng đến mức độ tiếp thu của người học theo từng giai đoạn vì thế trong hai bài đầu tiên chỉ giới thiệu 4 hoặc 6 từ mới. Trong khi đó, giáo trình Hán ngữ 1 đã đặt ra yêu cầu

ghi nhớ cao cho người mới học từ bài đầu tiên. Bài học chỉ tập trung vào một nội dung là chào hỏi (你好!) nhưng lại giới thiệu đến 11 từ mới không có liên kết với nội dung bài học như 一, 五, 八, 不, 口, 白, 女, 马 mà lại không cung cấp ngữ cảnh cụ thể để áp dụng. Đây là một điểm không hợp lý, mà không xuất hiện ở giáo trình chuẩn HSK1.

Về mặt ngữ âm, giáo trình dàn trải việc ôn tập ngữ âm ở 15 bài học, cung cấp hình ảnh cụ thể về vị trí các bộ phận phát âm. Giáo trình sử dụng ngôn từ rất dễ hiểu để mô tả về sự khác biệt trong cách phát âm của các nhóm âm. Ngoài ra, các bài luyện tập phát âm đa số có hình ảnh đi kèm để tránh sự khô khan, cứng nhắc.

Về ngữ pháp, mỗi điểm ngữ pháp đều được giải thích một cách ngắn gọn. Các cấu trúc được trình bày trong ô rõ ràng với 3 ví dụ. Những ví dụ này đặc biệt chú trọng vào việc sử dụng từ vựng đã học hoặc lấy từ bài học, giúp người học hiểu và áp dụng ngữ pháp một cách nhanh chóng.

Về chữ Hán, khác với giáo trình Hán ngữ 1 không đề cập tới vấn đề giới thiệu chữ Hán, giáo trình chuẩn HSK1 có 1 phần dành cho chữ Hán với các nội dung như các nét chữ Hán, làm quen với chữ đơn thể, kết cấu, các bộ chữ Hán. Nội dung này giúp người học tăng thêm hiểu biết về chữ Hán, tiếp thu những điểm thú vị của chữ Hán.

4.1.4. Thiết kế bài tập

Tính hấp dẫn của phần bài tập thể hiện ở những nội dung sau:

Thứ nhất, phần luyện tập được thiết kế có sự liên kết mật thiết với nội dung bài

học, phù hợp với nhu cầu giao tiếp thường ngày và trình độ của người học mới bắt đầu. Ví dụ: “你家有几口人? 你爸爸/妈妈, ……今年多大了? ” (T50) (nhà bạn có mấy người? bố/ mẹ bạn,... năm nay bao nhiêu tuổi?), “你会说汉语吗? 你汉语名字叫什么你会写你的汉语名字吗? ” (T58) (bạn biết nói tiếng Trung không? Tên tiếng Trung của bạn là gì? bạn biết viết tên tiếng Trung của bạn không?), “今天几月几号? 明天是几月几号? 明天星期几? ” (T66) (Hôm nay là ngày mấy tháng mấy? Ngày mai là ngày mấy tháng mấy? ngày mai thứ mấy?)

Thứ hai, giáo trình đa dạng hóa các bài tập không chỉ ở mức độ cá nhân mà còn bao gồm nhiều hoạt động làm việc theo cặp và nhóm. Những hoạt động này giúp giảm áp lực cho người học trong quá trình học, đồng thời nâng cao tính tích cực và khả năng tự chủ trong việc tham gia hoạt động.

Bảng 2. Nội dung và hình thức bài tập giáo trình chuẩn HSK1

TT	Nội dung bài tập	Hình thức
1	Phân ghép âm: nghe và luyện đọc theo phần ghi âm	Cá nhân/ theo nhóm
2	Phân vai nhân vật và đọc to câu đối thoại	Theo cặp
3	Trả lời câu hỏi theo tình hình thực tế	Cá nhân/ theo cặp
4	Sử dụng từ ngữ trong bài để mô tả hình ảnh bên dưới	Cá nhân
5	Hoạt động theo cặp	Theo cặp
6	Hoạt động theo nhóm	Theo nhóm

Ngoài ra, giáo trình Chuẩn HSK1 cũng đặc biệt chú trọng đến sự cân bằng số lượng bài tập. Việc có quá nhiều bài tập có thể gây áp lực cho người học, trong khi số lượng bài tập quá ít có thể không đáp

ứng đủ nhu cầu luyện tập của người học. Theo thống kê, giáo trình chuẩn HSK1 có 6 bài tập cho mỗi bài học, trừ bài 1 và bài 2. Với 6 bài tập cho mỗi bài, bao quát từ ngữ âm, từ vựng, câu, đối thoại, và diễn đạt thành đoạn. Bài tập trong giáo trình chuẩn HSK1 được sắp xếp từ dễ đến khó và được chia thành 4 loại theo thứ tự sau:

1) Luyện tập ngữ âm: nghe và luyện đọc theo phần ghi âm

2) Luyện tập từ vựng: chọn hình tương ứng các từ ngữ bên dưới, sử dụng từ ngữ để miêu tả hình ảnh trong bài

3) Luyện tập câu/ đối thoại: đóng vai nhân vật trong bài, trả lời câu hỏi theo tình hình thực tế, luyện tập đặt câu hỏi và trả lời

4) Luyện tập diễn đạt thành đoạn: Giới thiệu, diễn đạt thành đoạn theo yêu cầu v.v...

Cách sắp xếp các dạng bài tập trong giáo trình chuẩn HSK1 từ ngữ âm – từ vựng – câu / đối thoại – đoạn văn, từ cùng cố tới mở rộng nâng cao đều phân cấp từ dễ tới khó một cách hợp lý. Các dạng bài tập thực tế giúp người học vận dụng những từ mới, cấu trúc mới trong bài học để biểu đạt suy nghĩ của mình. Những dạng bài tập này cũng mang lại sự thú vị và tích cực trong quá trình học tập, tránh cho việc học trở nên khô khan.

4.2. Phân tích tính hấp dẫn trong hình thức của giáo trình

Về phương diện thiết kế bìa, khác với một số giáo trình khác như Giáo trình Hán ngữ 1 sử dụng gam màu chính là gam màu lạnh: màu xanh da trời và xanh lá cây thì bìa giáo trình chuẩn HSK1 sử dụng gam màu nóng là màu cam, tạo nên một sự ấn tượng,

năng động và phù hợp với xu hướng thời thượng, đặc biệt hấp dẫn đối với giới trẻ.

Về mặt hình ảnh, giáo trình chuẩn HSK1 sử dụng một loạt hình ảnh màu sắc đa dạng, hiện đại và sinh động. Các tiêu đề và nội dung bài tập được phân biệt bằng các màu sắc khác nhau. Mỗi bài học thường đi kèm với một hình ảnh thực tế liên quan đến nội dung. Điểm khác biệt so với các giáo trình khác như Hán ngữ hoặc Boya là giáo trình chuẩn HSK1 sử dụng nhiều hình ảnh thực tế hơn. Ví dụ: Phần warm up của giáo trình chuẩn HSK1 sử dụng 6 hình ảnh để kết hợp với 6 từ, và mỗi bài khoá cũng được minh hoạ bằng một hình ảnh. Trong khi giáo trình Hán ngữ chỉ có 2 màu đen và trắng, cùng với số lượng hình ảnh tương đối ít, tồn tại một số nhược điểm như hình ảnh đơn điệu, chất lượng hình ảnh không rõ nét, một số hình ảnh chưa khớp với nội dung. Ngoài ra, các phần bài tập trong giáo trình chuẩn HSK1 về ngữ âm, điền từ,... cũng đều có nhiều hình ảnh sinh động. Điều này làm cho giáo trình HSK1 trở nên hấp dẫn và thu hút hơn so với giáo trình Hán ngữ, đặc biệt là đối với những người học mới bắt đầu.

Về font chữ, giáo trình chuẩn HSK1 chú trọng đến việc thay đổi font chữ và màu sắc trong từng phần. Màu vàng cam được sử dụng để phân chia các phần, trong khi màu tím được dùng cho tiêu đề. Font chữ của chữ Hán được lựa chọn mang đặc điểm mềm mại, gần với cách viết tay, giúp người học dễ quan sát và ghi chú. Điều này khác biệt so với giáo trình Hán ngữ 1 chỉ sử dụng màu đen và Boya chỉ sử dụng 2 màu xanh đen. Sự sử dụng font chữ và màu sắc trong giáo trình HSK1 tác động một cách hiệu quả đến thị giác của người học.

V. Kết luận

Trong giai đoạn học sơ cấp, tính hấp dẫn của giáo trình đóng vai trò quan trọng. Dựa trên việc phân tích tính hấp dẫn của giáo trình chuẩn HSK1, chúng tôi nhận thấy để thiết kế một giáo trình sơ cấp hấp dẫn, cần có các đặc điểm sau:

Thứ nhất, bố cục nội dung rõ ràng, dễ nắm bắt. Ngoài các phần cơ bản như từ mới, bài khoá, ngữ pháp và chữ Hán, giáo trình cần bổ sung các phần hấp dẫn khác như warm up và các nội dung văn hoá. Điều này giúp làm tăng tính hấp dẫn và đa dạng hoá quá trình học.

Thứ hai, nội dung chủ đề mỗi bài học cần sắp xếp theo thứ tự từ dễ tới khó, phù hợp với trình độ của người học. Điều này thể hiện qua sắp xếp các nội dung chủ đề giao tiếp trong 15 bài học và các bài tập từ củng cố đến nâng cao. Các nội dung thú vị, vừa thực tế, đáp ứng được nhu cầu giao tiếp thường ngày.

Thứ ba, giáo trình cần đảm bảo độ phong phú của các bài tập cả về hình thức và số lượng. Việc này sẽ giúp người học phát triển khả năng sử dụng ngôn ngữ một cách linh hoạt và đa dạng.

Thứ tư, giáo trình cần chú trọng vào thiết kế giao diện, tranh ảnh và font chữ. Hình ảnh cần thực tế, rõ nét, có tính mỹ quan và có thể truyền đạt nhiều thông tin cho người học một cách hiệu quả. Font chữ cần dễ nhìn, dễ ghi chú và tác động tốt tới thị giác của người đọc.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Chen Lei, 汉语作为第二语言教材与国外英语教材中练习趣味性的对比研究, 《中央民族大学》, (2012).

- [2]. Li Quan, Yang Rui, 《汉语文化双向教程》的设计与实施, 华语教学出版社, (1999).
- [3]. Li Quan, 《对外汉语教材通论》, 商务印书馆, (2000).
- [4]. Liu Songhao, 关于对外汉语教材的趣味性的积淀人生, 《语言教学与研究》第4期, (2000).
- [5]. Liu Songhao, 我们的会那样教材为什么缺乏趣味性, 《暨南大学华文学院学报》, (2005).
- [6]. Liu Xun, 新一代对外汉语教材的战网—再谈汉语教材的编写原则, 《世界汉语教学》第一期, (1994).
- [7]. Lü Bisong, 对外汉语教学概论 (讲义)》 (续五), 《世界汉语教学》第三期, (1993).
- [8]. Zhou jian, Tang Ling, 对外汉语教材练习设计的考察与思考, 《语言教学与研究》第4期, (2004).
- [9]. Zhao Jinming, 对外汉语教材创新略论, 《世界汉语教学》第2期, (1997).
- [10]. Zhao Xianzhou, 建国以来对外汉语教材研究报告, 《第二届国际汉语教学讨论会论文集》, 北京语言学院出版社, (1988).

ANALYSIS OF ATTRACTIVENESS IN ELEMENTARY CHINESE TEXTBOOKS - USING "STANDARD COURSE HSK1" AS AN EXAMPLE

Dinh Thu Hoai[†]

***Abstract:** Interestingness is considered one of the important factors in compiling Chinese textbooks, aiming to stimulate learners' interest and create high learning efficiency, especially for beginners. Attractiveness here refers to both content and form that are dynamic, interesting, and appealing to users. The article chooses the "HSK Standard Coursebook 1" - a textbook for beginners, widely used in Vietnam and other countries, as the object of study to analyze the attractive factors of the textbook, and at the same time, compare it with other textbooks to highlight the advantages of the standard HSK1 coursebook. The multi-faceted analysis of textbooks will be a useful reference for the compilation of comprehensive Chinese textbooks in the future.*

***Keywords:** HSK Standard Course 1, interestingness, Chinese language textbook.*

[†] VNU University of Languages and International Studies – VNU-ULIS

